

UNIT 5: FREE TIME

Ex.1: Read and write the correct numbers to the pictures
(Đọc và viết số phù hợp cho mỗi bức tranh)













































1. RIDE A BIKE
2. SKATE
3. PLAY THE GUITAR
4. SING
5. PLAY VIDEOGAMES
6. PLAY THE VIOLIN
7. LISTEN TO MUSIC
8. READ A BOOK
9. PLAY HOCKEY
10. DO KARATE
11. DO CRAFTS
12. PLAY FOOTBALL
13. SKI
14. PLAY BOARDGAMES
15. SWIM
16. PLAY TENNIS
17. PLAY THE PIANO
18. DANCE
19. PLAY BASKETBALL
20. PLAY HANDBALL
21. DRAW
22. PLAY THE DRUMS

Ex.2: Choose the correct answers (Chọn đáp án đúng)



- A. I watch TV**
- B. I play computer games**



- A. I go running**
- B. I go shopping**



- A. I go camping**
- B. I ride my bike**



- A. I play the drums**
- B. I play the violin**



- A. I play table tennis**
- B. I play tennis**



- A. I do my homework**
- B. I listen to music**

Ex.3: Listen, drag and drop (Nghe, dùng chuột hoặc tay kéo đáp án rồi thả vào chỗ đúng)

	
	
	
	
	
	
	

MONDAY
WEDNESDAY
SUNDAY
SATURDAY
TUESDAY
THURSDAY
FRIDAY

Exercise 4: Write the day before and after (Dùng bàn phím để viết ngày đứng trước và ngày đứng sau)

	WEDNESDAY	
	MONDAY	
	FRIDAY	
	SUNDAY	
	THURSDAY	
	SATURDAY	